

LUYỆN TẬP

TÍNH THEO PHƯƠNG TRÌNH HÓA HỌC



Câu 1: Công thức tính hiệu suất phản ứng theo chất sản phẩm là

A

$$H = \frac{m_{LT}}{m_{TT}} \cdot 100\%$$

B

$$H = m_{LT} \cdot m_{TT} \cdot 100\%$$

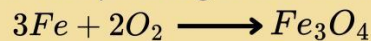
C

$$H = \frac{m_{LT}}{n_{TT}} \cdot 100\%$$

D

$$H = \frac{m_{TT}}{m_{LT}} \cdot 100\%$$

Câu 2: Cho phương trình hóa học



Tỉ lệ mol của các chất $Fe : O_2 : Fe_3O_4$ lần lượt là

A

1 : 2 : 3

B

1 : 3 : 2

C

2 : 1 : 3

D

3 : 2 : 1

Câu 3: Thế nào là hiệu suất phản ứng?

A

Là tỉ lệ số mol giữa sản phẩm và chất tham gia phản ứng

B

Là tỉ lệ giữa lượng sản phẩm thu được theo thực tế với lượng sản phẩm thu được theo lý thuyết

C

Là tích số mol giữa các chất sản phẩm và chất tham gia phản ứng

D

Là tỉ lệ giữa lượng chất tham gia theo thực tế với lượng chất tham gia phản ứng theo lý thuyết

Câu 4: Cho miếng kẽm (Zn) dư vào 200ml dung dịch $AgNO_3$, thu được muối $Zn(NO_3)_2$ và Ag bám vào miếng đồng. Khối lượng Zn phản ứng là 6,5 gam. Khối lượng Ag tạo ra là

A

8,8 gam

B

10,8 gam

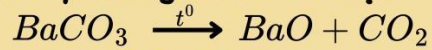
C

15,2 gam

D

21,6 gam

Câu 4: Cho phương trình hóa học



Số mol BaCO_3 đã phản ứng để điều chế được 15,3 gam BaO ?

A 0,1 mol

B 0,3 mol

C 0,4 mol

D 0,2 mol

Câu 6: Đốt cháy 8 gam carbon bằng khí oxygen, thu được khí CO_2

Số mol Oxygen đã phản ứng?

A 0,2 mol

B 0,5 mol

C 0,6 mol

D 0,8 mol

Câu 7: Cho 9,6 gam Mg tác dụng với dung dịch chứa 7,3 gam hydrochloric acid (HCl) thu được magnesium chloride (MgCl_2) và khí hydrogen. Thể tích H_2 thu được ở điều kiện chuẩn là

A 2,470 lít

B 2,24 lít

C 2,479 lít

D 4,279 lít

Câu 8: Cho sơ đồ phản ứng hóa học sau:



Số mol H_2SO_4 phản ứng hết với 6 mol là

A 6 mol

B 3 mol

C 9 mol

D 5 mol

Câu 9: Đốt cháy hoàn toàn 6,25 gam than đá có chứa 4% tạp chất không cháy, thể tích khí Oxygen ở điều kiện chuẩn vừa cần dùng là

A 6,1975 lít

B 24,79 lít

C 12,395 lít

D 11,2 lít